

Số: 05 /2017/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 28 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị
trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 687/TTr-SXD ngày 23/3/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau”.

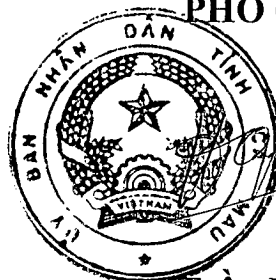
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/4/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Xây dựng và Bộ TN&MT (báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Cà Mau;
- Các phòng: XD Ut02, TH, NN-TN;
- Lưu: VT. Tr 02/3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Quân

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 05 /2017/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan trong việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nguyên tắc chung quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người; mọi hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân loại tại nguồn phát sinh; được thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Chi phí thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt do chủ nguồn thải chi trả, Nhà nước bù đắp một phần chi phí xử lý đối với việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4. Hộ gia đình; hộ kinh doanh nhỏ lẻ; trụ sở làm việc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, công an, quân đội; trường học, nhà trẻ; bệnh viện, bến xe, bến tàu,... phát sinh chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm nộp phí, giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật theo nguyên tắc đảm bảo một phần chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển; phần chi phí vận chuyển, xử lý còn lại sẽ do tỉnh bù đắp từ nguồn ngân sách nhà nước.

5. Các cơ sở kinh doanh, dịch vụ (bao gồm doanh nghiệp kinh doanh, các cửa hàng, nhà hàng kinh doanh ăn uống, khách sạn, công trình xây dựng,...) phát sinh chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm nộp phí, giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật theo nguyên tắc từng bước tăng dần tiến tới đảm bảo thanh toán toàn bộ chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

6. Các cơ sở sản xuất phải nộp toàn bộ phí, giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

7. Đơn vị vệ sinh môi trường có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về phương tiện thu gom, vận chuyển, các bãi tập kết chất thải rắn sinh hoạt; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn và triển khai, giám sát việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phù hợp với điều kiện địa bàn quản lý; tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến nơi xử lý theo quy định.

8. Khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường. Việc sử dụng chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải tuân theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các hành vi bị cấm

1. Vứt, đổ chất thải rắn sinh hoạt, không đúng thời gian và không đúng nơi quy định; để chất thải rắn sinh hoạt ra vỉa hè, lòng đường, đổ ra hệ thống thoát nước, ao, hồ, sông, công viên, vườn hoa và nơi công cộng khác.

2. Để lẫn chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn nguy hại.

3. Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không che chắn, làm rơi vãi, bụi bẩn đường phố, nơi công cộng, gây ô nhiễm môi trường.

4. Các đơn vị vệ sinh môi trường thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đúng quy trình công nghệ được phê duyệt; thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt không đúng thời gian quy định gây ùn tắc giao thông; để chất thải rắn sinh hoạt lưu giữ quá thời gian quy định làm ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường, không thực hiện vệ sinh thùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy trình.

5. Các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn tập trung chất thải rắn sinh hoạt không đúng nơi quy định; đơn vị xử lý chất thải rắn tập trung chất thải rắn sinh hoạt ngoài hàng rào cơ sở không đúng quy định; đốt và chôn lấp chất thải sau xử lý không đúng thành phần theo quy định gây ô nhiễm môi trường.

6. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Đầu tư quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Nội dung về đầu tư quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phải tuân thủ những nội dung cơ bản theo quy định tại các Điều 11, 13, 15, 16, 17, 18 Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn; các Điều 19, 20, 21 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu.

Điều 6. Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu.

2. Việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp từ nguồn phát sinh trên địa bàn tỉnh được thực hiện như sau:

a) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình, hộ kinh doanh nhỏ lẻ được đơn vị thu gom do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) thành lập và quản lý để thu gom, vận chuyển đến điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

b) Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ trụ sở làm việc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, công an, quân đội; trường học, nhà trẻ; bệnh viện, bến xe, bến tàu; cửa hàng, nhà hàng kinh doanh ăn uống, khách sạn, hộ kinh doanh có quy mô lớn; công trình xây dựng sẽ được đơn vị thu gom do Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Cà Mau (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thành lập, quản lý hoặc đơn vị trúng thầu hoặc đơn vị được đặt hàng thu gom vận chuyển về trạm trung chuyển hoặc từ trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý trên địa bàn.

3. Hệ thống và mô hình thu gom chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp từ nguồn phát sinh được thực hiện đồng bộ trên địa bàn toàn tỉnh. Trường hợp do đặc thù phát triển kinh tế - xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể điều chỉnh mô hình trên cho phù hợp với thực tiễn và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

4. Việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý được thực hiện bởi các đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập hoặc đơn vị trúng thầu hoặc đơn vị được đặt hàng.

5. Đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đủ các yêu cầu về thu gom, vận chuyển, trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển như quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu và đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

6. Việc đầu tư các cơ sở xử lý, các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

7. Việc đầu tư sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ có liên quan đến lĩnh vực quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với các quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 7. Yêu cầu về kỹ thuật đối với phương tiện thu gom, vận chuyển; điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Số lượng phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quãng đường, số lượng các điểm thu gom, khối lượng chất thải thu gom.

b) Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tương tự các phương tiện vận chuyển hàng hóa cùng loại theo quy định của pháp luật.

c) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sử dụng đúng chủng loại chuyên dùng (xe ép rác có thùng kín), trường hợp xe tải thùng hở phải được phủ bạt kín che nắng, mưa sau khi chứa chất thải rắn sinh hoạt; xe đẩy 3 bánh phải đảm bảo không được rơi vãi trong quá trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; các phương tiện phải có thiết bị nhằm khống chế việc rò rỉ của nước rỉ rác ra môi trường.

d) Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển phải có kết cấu cứng, chịu được va chạm đảm bảo không bị biến dạng, hư hỏng, rách vỡ; bao bì mềm được buộc kín và bao bì cứng có nắp đậy kín để đảm bảo không phát tán mùi; đảm bảo lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt không được ngấm, rò rỉ nước rác.

đ) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động phải được trang bị như sau: Các dụng cụ cứu hỏa (ít nhất là bình bột dập lửa) theo quy định về phòng cháy chữa cháy; hộp sơ cứu vết thương; thiết bị thông tin liên lạc (điện thoại di động hoặc bộ đàm); biển thông báo sự cố cho các đối tượng giao thông khác trong trường hợp sự cố trên đường.

2. Điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Điểm tập kết phải có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm;

b) Khu vực lưu giữ tạm thời hoặc trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các quy định sau: Có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt, mặt sàn trong khu vực lưu giữ được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm; mặt sàn có độ dốc phù hợp để đảm bảo toàn bộ nước rỉ rác phát sinh tập trung về hố thu; có hố thu gom nước rỉ rác đảm bảo thu toàn bộ lượng nước rỉ rác phát sinh tại khu vực lưu giữ; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến điểm tập kết, trạm trung chuyển bằng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật như quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy định này.

2. Chỉ hợp đồng với chủ xử lý chất thải có cơ sở xử lý đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường hoặc cấp phép xử lý chất thải nguy hại (trong trường hợp cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt kết hợp với xử lý chất thải nguy hại) trước khi chính thức hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

b) Đã đi vào hoạt động và đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định trước ngày Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu có hiệu lực thi hành.

3. Khuyến khích các chủ thu gom, vận chuyển phân loại chất thải nguy hại khỏi chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển. Việc quản lý chất thải nguy hại được thực hiện theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Kinh phí quản lý và xử lý chất thải nguy hại tách ra từ chất thải rắn sinh hoạt của các hộ dân được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

4. Báo cáo định kỳ 01 lần/năm (chậm nhất trước ngày 10 tháng 12 hàng năm) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (đơn vị chủ quản dịch vụ), Sở Xây dựng về tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Nội dung báo cáo theo mẫu do Sở Xây dựng quy định và hướng dẫn.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện trách nhiệm của chủ xử lý chất thải rắn sinh hoạt như quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

2. Xây dựng phương án giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt gửi Sở Tài chính thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt như quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 26 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

3. Chỉ ký hợp đồng tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt với các chủ thu gom, vận chuyển đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Điều 7 Quy định này và gửi hồ sơ năng lực của chủ thu gom, vận chuyển về Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường để cập nhật, công bố danh sách các chủ thu gom, vận chuyển đủ điều kiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

4. Hàng năm báo cáo về tình hình tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt từ các chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

5. Trường hợp cải tạo, phục hồi môi trường khi đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 23 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu.

6. Báo cáo định kỳ 01 lần/năm (chậm nhất trước ngày 10/12 hàng năm) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu đến Ủy ban nhân dân cấp huyện (đơn vị chủ quản trong hợp đồng dịch vụ), Sở Xây dựng về tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Nội dung báo cáo theo mẫu do Sở Xây dựng quy định và hướng dẫn.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

1. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh ở nơi công cộng; đổ chất thải đúng thời gian và nơi quy định, không để chất thải sinh hoạt trên hè phố, lòng đường; không để vật nuôi gây mất vệ sinh công cộng; có trách nhiệm tham gia vào hoạt động thu gom và thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Quy định này; có trách nhiệm tích cực tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, nơi công cộng do chính quyền và các đoàn thể địa phương phát động. Trường hợp phát hiện những vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, cần thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị... trên địa bàn các đô thị trong tỉnh có trách nhiệm quy định, hướng dẫn các thành viên trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của mình được biết và thực hiện đúng các nội dung của Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Hộ gia đình, hộ kinh doanh nhỏ lẻ; trụ sở làm việc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, công an, quân đội; trường học, nhà trẻ; bệnh viện, bến xe, bến tàu... phải nộp phí, giá dịch vụ cho công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này.

4. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý; thanh toán hợp đồng dịch vụ theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 3 Quy định này.

Điều 11. Xã hội hóa trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và đầu tư xây dựng, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

2. Tổ chức, cá nhân có thể đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo các hình thức xã hội hóa với các nội dung sau đây:

a) Đầu tư thiết bị, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng toàn bộ hoặc từng hạng mục công trình thuộc khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

b) Mua sắm trang thiết bị, vật tư phục vụ hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

c) Đầu tư chuyển giao công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động đầu tư, tham gia xã hội hóa trong lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt được hưởng ưu đãi về nguồn vốn đầu tư và ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 12 Quy định này và quy định hiện hành.

Điều 12. Ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, thủ tục về đất đai; ưu đãi về huy động vốn đầu tư, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng; hỗ trợ về giá và tiêu thụ sản phẩm và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt được hưởng ưu đãi và hỗ trợ về tài chính theo quy định tại mục II Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ về tài chính theo quy định tại mục III Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn.

4. Các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ về quản lý chất thải rắn sinh hoạt được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ.

Chương III QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Cà Mau; phối hợp, tổ chức hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị thực hiện vệ sinh môi trường về quản lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn thực hiện công tác xã hội hóa quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Tổ chức công bố công khai quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

3. Phổ biến các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về chất thải rắn sinh hoạt; đầu mối tổng hợp các kiến nghị về sửa đổi, bổ sung định mức dự toán, các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về chất thải rắn sinh hoạt trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích việc thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra quan trắc, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường tại các cơ sở xử lý, tiêu hủy, các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và đề xuất cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật trên địa bàn các đô thị trên địa bàn tỉnh.

6. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính lập kế hoạch chi ngân sách hàng năm cho công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Chỉ đạo Thanh tra xây dựng tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất và xử lý vi phạm hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các đô thị theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành đơn giá dịch vụ công ích, đơn giá xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo từng loại công nghệ; ban hành đơn giá, phê duyệt dự toán dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để làm cơ sở đấu thầu thực hiện dịch vụ công ích có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

9. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt phục vụ công tác quản lý trên địa bàn tỉnh; định kỳ 06 tháng, 01 năm kiểm tra tình hình thực hiện hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn tỉnh, tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện kiểm tra đột xuất việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh khi có chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, chỉ đạo lực lượng Thanh tra môi trường kiểm tra việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải, các khu tái chế, tái sử dụng, trạm trung chuyển, bãi chôn lấp theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Khoản 4 và Khoản 5 Điều 13 Quy định này.

4. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động quản lý liên quan đến chất thải rắn thuộc lĩnh vực được phân công, phụ trách theo đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Khoản 6 Điều 13 Quy định này.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện lập các dự án đầu tư khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, các trạm trung chuyển rác theo quy hoạch được duyệt.

3. Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng cơ chế hỗ trợ ưu đãi đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng các nhà máy xử lý rác thải và các công trình phụ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng thực hiện Khoản 6, Điều 13 Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan thực hiện Khoản 8 Điều 13 Quy định này.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chủ đầu tư và các ngành liên quan tổ chức thẩm định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức thẩm định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí thường xuyên hàng năm cho công tác kiến tạo toàn hệ thống bộ máy quản lý; kinh phí mua sắm trang thiết bị đảm bảo công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của các đơn vị sự nghiệp do Nhà nước quản lý theo phân cấp hiện hành. Cấp kinh phí cho các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng trong việc xác định các nhiệm vụ có liên quan đến công nghệ xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt được áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải phối hợp với Thanh tra Sở Xây dựng, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm do chủ thu gom làm rơi, vãi, đổ chất thải rắn sinh hoạt trên vỉa hè, lòng đường và nơi công cộng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

2. Cấp giấy phép hoạt động cho các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để phục vụ công tác đảm bảo vệ sinh môi trường.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Công Thương

Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất trên địa bàn tỉnh và hướng dẫn các doanh nghiệp phân loại, lên danh mục và thống kê số lượng chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan báo, đài tổ chức tuyên truyền phổ biến Quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng; chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân tham gia vào hoạt động thu gom và thực hiện việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; tích cực tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ lợi ích của việc phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

2. Định kỳ thông tin các hoạt động và kết quả thanh tra, kiểm tra về hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; thông tin rõ, kịp thời về những trường hợp vi phạm, những địa phương dễ xảy ra tình trạng vứt, đổ chất thải rắn sinh hoạt không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường.

Điều 21. Trách nhiệm của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị

Đầu mối huy động các nguồn vốn từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các nguồn vốn tài trợ nước ngoài khác để đầu tư các công trình xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở các điểm dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh.

Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ban ngành khác có liên quan

1. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, các sở, ban ngành thuộc tỉnh liên quan có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị trực thuộc thực hiện vệ sinh môi trường theo đúng các nội dung tại Quy định này và theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, thanh tra việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị thuộc phạm vi quản lý; giải quyết các vấn đề có liên quan đến quản lý, bảo vệ môi trường theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với các sở, ban ngành và các cơ quan khác có liên quan thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực chất thải rắn sinh hoạt đô thị thuộc địa phương mình quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo các lực lượng, các phòng ban chức năng kiểm tra tình hình hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đô thị, quản lý vệ sinh môi trường trên địa bàn theo quy định, đồng thời kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm theo đúng các quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại trung tâm các xã, khu dân cư tập trung trên địa bàn và các quy định khác của pháp luật có liên quan; tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy định này và yêu cầu các tổ chức, cá nhân trên địa bàn nghiêm túc thực hiện.

4. Tổ chức đánh giá tình hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị tại địa phương, báo cáo kết quả theo yêu cầu của các sở, ban, ngành có liên quan về tình hình thực hiện hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; kiến nghị đề xuất các vấn đề có liên quan đến việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

5. Giám sát và tổng hợp các chỉ tiêu về tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Định kỳ 01 lần/năm (chậm nhất trước ngày 15 tháng 12 hàng năm) báo cáo Sở Xây dựng về tình hình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định. Nội dung báo cáo theo mẫu do Sở Xây dựng quy định và hướng dẫn.

6. Có trách nhiệm tổ chức thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị vô chủ, chất thải rắn sinh hoạt đô thị tồn đọng lâu ngày ở nơi công cộng không rõ tổ chức, cá nhân nào xả thải trên địa bàn thành phố, thị xã, thị trấn do mình quản lý. Trong trường hợp không thể tổ chức thu gom thì phải có trách nhiệm thanh toán chi phí thu gom các đối tượng chất thải rắn này cho tổ chức, cá nhân thu gom từ nguồn ngân sách do mình quản lý.

7. Có trách nhiệm lập phương án giá vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đô thị trên địa bàn huyện và phối hợp với Sở Tài chính thực hiện Khoản 3 Điều 16 Quy định này.

Điều 24. Sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với chính quyền các cấp tuyên truyền nâng cao nhận thức về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, vận động nhân dân làm tốt công tác phân loại chất thải tại nguồn, đổ chất thải đúng thời gian, đúng nơi quy định; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn. Trường hợp phát hiện những vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, cần thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức sắp xếp hoàn thiện hệ thống quản lý chất rắn sinh hoạt trên địa bàn theo mô hình quản lý như Quy định này trong thời gian 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

2. Các chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm rà soát, chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với phương tiện thu gom, vận chuyển; điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt như quy định tại Điều 7 Quy định này trong vòng 24 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ các chủ thu gom chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển đáp ứng yêu cầu quy định.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn giám sát, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quân